TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **TỈNH B**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 19/2023/HS-ST Ngày: 24.5.2023	*A, ngày 24 tháng 5 năm 2023*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH B

Thành phần phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Lê L

Các Hội thẩm:

1. Ông: Đặng Hữu L – Chủ tịch Hội khuyến học huyện A

2. Bà: Huỳnh Thị Tuyết M

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Bà Huỳnh Đặng Hải Y – Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B tham gia phiên toà: Ông: Lê Đức A - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh B xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hình sự thụ lý số: 13/2023/TLST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Văn Công T;** tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 30/7/2006 tại A, B; Nơi cư trú: thôn M, xã C, huyện A, tỉnh B; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: học sinh; Trình độ học vấn: Đang học lớp 11A7 trường THPT A 3; Con ông: Văn Công H, SN: 1984 và bà: Phan Thị T, SN: 1985; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "*Cấm đi khỏi nơi cư trú*" từ ngày 27/12/2022 cho đến 27/5/2023. (*Có mặt*)

Người đại diện hợp pháp của bị cáo:

- Ông: Văn Công H; Sinh năm: 1984;

Địa chỉ: Thôn M, xã C, huyện A, tỉnh B.

Là: cha của bị cáo (*Có mặt*)

Người bào chữa cho bị cáo Văn Công T:

- Ông: Nguyễn Ánh Q – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B. *(Có mặt)*

Người bị hại:

- Bà: Nguyễn Thị H1: đã chết.

Đại diện theo ủy quyền của gia đình bị hại:

- Ông: Lê Văn N; SN: 1980. (*Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt*)

Địa chỉ: Thôn L, xã C, huyện A, tỉnh B.

Người làm chứng:

- Chị: Đỗ Thu Tr; SN:2006. (*Có mặt*)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện A, tỉnh B.

- Ông: Nguyễn Ngọc T1; SN: 1980. (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Thôn K, xã C, huyện A, tỉnh B.

Người đại diện theo pháp luật của người làm chứng Đỗ Thu Tr:

- Bà: Đinh Thị T2; SN:1983. (*Có mặt*)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện A, tỉnh B.

Là mẹ ruột của Đỗ Thu Tr.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Văn Công T (sinh ngày 30/7/2006, địa chỉ: Thôn M, xã C, huyện A, tỉnh B), đang là học sinh lớp 11A7- Trường THPT A 3. Hàng ngày, T đi học bằng xe đạp điện nhưng khoảng 13h20 ngày 27/10/2022, khi chuẩn bị đi học, T phát hiện xe đạp điện bị hư bình không đi được nên khi thấy xe mô tô mang biển số 78A2-345.67 của ông Văn Công H (cha của T) đang để trong nhà nên T tự ý lấy chìa khóa xe đang treo trên mắc quần áo trong phòng ngủ và điều khiển xe mô tô 78A2-345.67 đi học mặc dù T không có giấy phép lái xe theo quy định.

Khoảng 13h30 cùng ngày, T đã điều khiển xe mô tô 78A2-345.67, chở phía sau bạn học Đỗ Thu Tr (sinh năm 2006, ở thôn Đ, xã N, huyện A, tỉnh B) ngồi sau, chạy trên đường nhựa liên thôn thuộc thôn L, xã C, huyện A, tỉnh B – là đoạn đường được trải nhựa phẳng, thẳng rộng 5,50m; giữa đường có vạch sơn đứt quãng màu vàng rộng 0,15m, phân chia thành 02 làn đường xe chạy; Lúc này, T cho xe chạy trên làn đường phía Tây, theo hướng Bắc – Nam, với tốc độ khoảng 40km/h, thì phát hiện phía trước, cùng chiều có xe ô tô khách 78A-047.09 (loại 16 chỗ) đang dừng gần sát mép đường phía Tây để đưa đón học sinh cùng chiều với T nhưng T không làm chủ tốc độ và chú ý quan sát, mà cho xe vượt qua bên trái xe ô tô 78A-047.09; khi vượt đến đầu xe ô tô khách thì T mới phát hiện bà Nguyễn Thị H1 (sinh năm 1945, ở thôn L, xã C, huyện A, tỉnh B) đang đi bộ qua đường theo hướng Tây – Đông, cách xe T khoảng 2m; T hãm phanh và lách xe mô tô về phía bên phải theo chiều đi, để tránh bà H1 nhưng do khoảng cách gần nên không né tránh kịp, đã để phần bên trái xe mô tô 77E1–

367.45 tông vào mặt sau chân bên phải của bà Nguyễn Thị H1 làm bà H1 ngã xuống đường, dẫn đến tai nạn, cách mép đường phía Tây 2,20m.

Hậu quả: bà Nguyễn Thị H1 chết; Văn Công T và Đỗ Thu Tr bị xây xát nhẹ, không bị thương tích gì.

Theo kết luận giám định pháp y về tử thi số: 425/2022/PY-TT ngày 01/11/2022 của Phòng KTHS Công an tỉnh B, kết luận về nguyên nhân chết của bà Nguyễn Thị H1: Vùng đỉnh chẩm phải bầm tụ máu, sưng nề kích thước (11x8)cm; giữa lưng trên nếp lằn mông xây xát da rướm máu kích thước (17x7) cm; sây sát da vùng trên bả vai phải, vùng dưới mỏm khủy tay phải. Tay trái: xước da vùng cánh tay mặt sau ngoài đoạn 1/3 dưới, phía sau ngoài mỏm khuỷu; bầm tụ máu rải rác mặt trong cánh tay đoạn 1/3 dưới, vùng khuỷu và cẳng tay 1/3 trên. Chân phải: cẳng chân mặt sau đoạn 1/3 giữa có vết thương rách lóc da kích thước (6x3)cm, đầu dưới vết thương cách gót chân 22cm, hướng lóc da từ trước ra sau, từ trái sang phải; gót chân trái xây xát da. Mổ da đầu vùng đỉnh chẩm phải bầm tụ máu dưới da diện rộng, nứt xương, nhiều máu không đông chảy ra. Nguyên nhân chết: Nguyễn Thị H1 chết do chấn thương sọ não.

Hiện trường tai nạn giao thông thể hiện trong sơ đồ hiện trường, biên bản khám nghiệm hiện trường và bản ảnh khám nghiệm hiện trường tai nạn giao thông ngày 27/10/2022, biên bản khám nghiệm tử thi ngày 01/11/2022, biên bản khám phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông ngày 29/10/2022 và kèm theo hồ sơ vụ án.

Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A đã tạm giữ 01 xe mô tô biển số 78A2-345.67 và đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại xe và giấy xe tờ cho chủ sở hữu.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi xảy ra vụ tai nạn, bị cáo và gia đình đã chủ động thương lượng, thỏa thuận bồi thường cho gia đình bị hại với tổng số tiền là 30.000.000 đồng. Đại diện bị hại có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo.

Tại bản cáo trạng số: 18/CT-VKSPC, ngày 11/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố bị cáo Văn Công T về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" thuộc trường hợp "Không có giấy phép lái xe theo quy định", quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Văn Công T về tội: " *Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 của BLHS năm 2015 và không có thay đổi bổ sung gì thêm.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo Văn Công T với mức án từ 18 tháng tù đến 24 tháng

tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Văn Công T phát biểu quan điểm: Thống nhất với tội danh và Điều luật Viện kiểm sát đã truy tố. Đề nghị HĐXX áp dụng: các quy định của pháp luật xử phạt từ 12 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Tại phiên tòa, bị cáo Văn Công T đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình cũng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố, đồng thời cũng xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Xét về mặt thủ tục tố tụng: Trong các giai đoạn điều tra, truy tố, Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, có đủ căn cứ để xác định: ở các giai đoạn tố tụng này, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng được đảm bảo, các nguyên tắc trong tố tụng hình sự được tôn trọng và thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật hình sự.

[2]. Xét nội dung của vụ án và hành vi của bị cáo thực hiện, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi diễn biến của vụ án như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố. Lời khai của bị cáo trước Tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến vụ án và đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa. Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở chứng cứ và yếu tố pháp lý kết luận:

Văn Công T không có giấy phép lái xe theo quy định nhưng đã tự ý lấy xe cha của T để trong nhà; chở theo bạn học là Đỗ Thu Tr tham gia giao thông, nhưng do không làm chủ tốc độ và chú ý quan sát khi tầm nhìn bị che khuất nên khi tránh xe ô tô đậu cùng chiều đã không phát hiện được bà Nguyễn Thị H1 đi bộ qua đường nên xử lý không kịp và gây ra tai nạn vào khoảng 13h30 tại đường liên thôn thuộc thôn L, xã C, huyện A, tỉnh B. Hậu quả bà Nguyễn Thị H1 chết.

Hành vi điều khiển xe mô tô khi tham gia giao thông của Văn Công T không tuân thủ quy định của Luật giao thông đường bộ đã vi phạm khoản 9 Điều

8; khoản 4 Điều 11; Điều 12 Luật giao thông đường bộ gây thiệt hại đến tính mạng của người khác, gây ảnh hưởng đến trật tự an toàn cộng đồng nên cần phải xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B truy tố bị cáo Văn Công T về tội: "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*" với tình tiết "Không có giấy phép lái xe theo quy định" quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3]. Xét tính chất nguy hiểm của hành vi, lỗi của bị cáo đã thực hiện, hậu quả thiệt hại đã xảy ra, HĐXX xác định:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đên trật tự an toàn trên lĩnh vực giao thông đường bộ gây thiệt hại đến tính mạng của người khác làm ảnh hưởng xấu đến tình hình chung tại địa phương nên cần phải xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với hành vi của bị cáo đã gây ra.

HĐXX kết luận: Bị cáo Văn Công T phạm tội: "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*" thuộc trường hợp "Không có giấy phép lái xe theo quy định", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015, do đó cần phải xét xử bị cáo với mức án tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tôi của bị cáo để giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung, góp phần ổn định tình hình an ninh trật tự và an toàn xã hội ở địa phương.

[4]. Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt, HĐXX thấy rằng:

Bị cáo Văn Công T phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Mặt khác, xét bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, chưa có tiền án, tiền sự. Tuy phạm tội rất nghiêm trọng nhưng do lỗi vô ý; Bị cáo khi phạm tội chỉ mới 16 tuổi 02 tháng 27 ngày và đang là học sinh Trường THPT A 3 nên cần áp dụng chính sách xét xử người dưới 18 tuổi là chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ bị cáo sữa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh trở thành công dân có ích cho xã hội; sau khi phạm tội gia đình bị cáo đã chủ động bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại và người đại diện của gia đình bị hại có đơn bãi nại và xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo tỏ ý ăn năn hối cải. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015. Mặt khác, người bị hại cũng có một phần lỗi khi đi bộ sang đường nhưng không chú ý quan sát trong khi tầm nhìn bị che khuất nên HĐXX áp dụng tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS 2015. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS năm 2015 để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đã truy tố

thấy cũng đủ tác dụng giáo dục. Bên cạnh đó, xét bị cáo tuổi đời còn nhỏ, đang là học sinh lớp 11A7 trường THPT A 3, có nhiều thành tích tốt trong học tập, luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú. Vậy nên, áp dụng chính sách khoan hồng của pháp luật, không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, để bị cáo có cơ hội phấn đấu, học tập sớm trở thành công dân có ích cho xã hội. Do đó, HĐXX áp dụng Điều 65 BLHS 2015 xử phạt tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo cũng đảm bảo đủ nghiêm minh. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo cũng phù hợp với nhận định trên nên được HĐXX chấp nhận.

Việc bị cáo Văn Công T điều khiển xe mô tô biển số 78A2-345.67 là do T tự ý điều khiển xe mô tô đi và không hỏi ai trong gia đình, ông H (cha của T và là chủ sở hữu xe máy 78A2-345.67) đi làm xa nên không biết việc bị cáo T lấy xe đi. Do đó, trong quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện A không truy cứu TNHS đối với ông Hiệp là có cơ sở.

[5]. Về trách nhiệm dân sự và các biện pháp tư pháp khác:

[5.1]. *Về trách nhiệm dân sự*: Gia đình bị cáo đã bồi thường 30.000.000 đồng, người đại diện của gia đình bị hại đã nhận đủ số tiền và không có yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét.

[5.2]. *Về xử lý vật chứng*: Trong quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại xe mô tô mang biển số 77E1–367.45 và giấy tờ cho chủ sở hữu theo đúng quy định nên HĐXX không xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ theo khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc bị cáo phải chịu án phí HSST sung vào ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 260, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 65, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố: Bị cáo Văn Công T phạm tội: "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*".

2. Xử phạt bị cáo Văn Công T 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 24/5/2023.

Giao bị cáo Văn Công T cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện A, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án 02 lần trở lên thì Toà án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bán án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

3. Trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

3.1. Trách nhiệm dân sự: Không.

3.2. Xử lý vật chứng: Không.

4. Về án phí: Bị cáo Văn Công T phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm ngàn đồng)* án phí HSST sung vào ngân sách nhà nước.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện A (02b);
- CA huyện A;
- Phòng Hồ sơ NVCS CA H.A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu THA phạt tù;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Phan Lê L